

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Cầu Hữu Giang (kết nối Quốc lộ 19 đi đường ĐH.26) tại xã Tây Giang, huyện Tây Sơn của UBND huyện Tây Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 156/STNMT-CCBVMТ ngày 18/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Cầu Hữu Giang (kết nối Quốc lộ 19 đi đường ĐH.26) tại xã Tây Giang, huyện Tây Sơn của UBND huyện Tây Sơn;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Cầu Hữu Giang (kết nối Quốc lộ 19 đi đường ĐH.26) tại xã Tây Giang, huyện Tây Sơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 177/UBND-KT ngày 21/02/2023 của UBND huyện Tây Sơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 156/TTr-STNMT ngày 24/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Cầu Hữu Giang (kết nối Quốc lộ 19 đi đường ĐH.26) (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Tây Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Giang;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
CẦU HỮU GIANG (KẾT NỐI QUỐC LỘ 19 ĐI ĐƯỜNG ĐH.26),
XÃ TÂY GIANG, HUYỆN TÂY SƠN CỦA UBND HUYỆN TÂY SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Cầu Hữu Giang (Kết nối Quốc lộ 19 đi đường ĐH.26), xã Tây Giang, huyện Tây Sơn.
- Địa điểm thực hiện: xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: UBND huyện Tây Sơn.
- Địa chỉ liên hệ: 59 Phan Đình Phùng, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Phạm vi:
 - + Điểm đầu: giao với Quốc lộ 19 tại Km52+980 thuộc thôn Thượng Giang 2, xã Tây Giang, huyện Tây Sơn.
 - + Điểm cuối giáp vào đường ĐH.26 thuộc thôn Hữu Giang, xã Tây Giang, huyện Tây Sơn.
- Quy mô: Tổng chiều dài toàn tuyến $L = 2,57$ km (bao gồm: $L_{\text{cầu}} = 495,90$ m và $L_{\text{đường}} = 2.069,66$ m).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của Dự án

- a. Phần cầu: Xây dựng cầu theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11823-2017, loại cầu vĩnh cửu, dầm giản đơn.
 - Tải trọng thiết kế cầu: HL93.
 - Tàn suất thiết kế: $P = 1\%$.
 - Khổ cầu: $B = 7,0 \text{ m} + 2 \times 0,5 \text{ m} = 8,0 \text{ m}$ (không có lề bộ hành).
 - Sơ đồ bố trí nhịp: 15 nhịp 33 m; chiều dài toàn cầu $L_{\text{cầu}} = 495,90 \text{ m}$.
 - Kết cấu dầm: Dầm chủ dạng chữ I, dài $L_0 = 33 \text{ m}$ bằng BTCT dự ứng lực, mặt cắt ngang gồm 04 dầm, chiều cao dầm $H_d = 165 \text{ cm}$, bản mặt cầu bằng BTCT dày 20 cm được nối liên tục nhiệt 05 nhịp.
 - Mố cầu: Dạng chữ U bằng BTCT đặt trên 04 cọc khoan nhồi đường kính $D = 1,5 \text{ m}$. Gia cố tứ nón bằng BTXM.
 - Trụ cầu: Dạng trụ 02 cột đường kính 1,5 m bằng BTCT đặt trên 02 cọc khoan nhồi đường kính $D = 1,5 \text{ m}$.

- Kết cấu khác: Tay vịn lan can cầu, ống thoát nước bằng thép mạ kẽm, khe co giãn loại răng lược, gối cầu bằng cao su cốt bản thép.

b. Phần đường: Thiết kế đường đầu cầu theo Tiêu chuẩn TCVN 4054-2005, đường cấp IV đồng bằng.

- Tổng chiều dài tuyến đường khoảng $L = 2.069,66$ m. Trong đó, phía Quốc lộ 19 dài $L = 220$ m và phía đường ĐH.26 dài $L = 1.849,66$ m.

- Bề rộng nền đường: $B_n = 9,0$ m.

- Bề rộng mặt đường: $B_m = 7,0$ m.

- Mặt đường bê tông nhựa.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án: hệ thống thoát nước ngang, an toàn giao thông, hệ thống điện chiếu sáng trên toàn tuyến.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án:

- 02 công trường thi công với tổng diện tích khoảng 24.400 m² (bố trí 01 trạm trộn bê tông xi măng, công suất 50 m³/h, lán trại, bãi đúc dầm, nhà vệ sinh di động, nhà chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại ...).

- 01 cầu tạm, chiều dài $L = 12$ m.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng $1.414,1$ m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thừa phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; nguy cơ gây ngập úng.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng $3,2$ m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khối lượng khoảng $2,3$ m³/ngày. Trong đó, nước thải chảy ra từ khối bùn khoan và dung dịch bentonite thải tập kết tạm tại bãi chứa vật liệu chờ vận chuyển đến bãi thải là $0,3$ m³/ngày; nước thải từ quá trình vệ sinh và rửa các thiết bị xây dựng khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chủ

yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công: Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là CO_x , NO_x , SO_2 , VOC,...

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành: Hoạt động của phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải. Thành phần chủ yếu là CO_x , NO_x , SO_2 , VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Hoạt động của công nhân phục vụ Dự án phát sinh chất thải rắn sinh hoạt khối lượng khoảng 3,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn xây dựng: Đất bốc phong hóa hữu cơ phát sinh từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng phát sinh khoảng 5.932 m³; Bentonite thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng cầu phát sinh khoảng 858,8 m³; Xà bần phát sinh khoảng 21 m³.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 114 kg trong toàn bộ thời gian thi công dự án. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy thải,...

3.3. Tiếng ồn và độ rung

3.3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn thi công

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn và rung chấn có khả năng ảnh hưởng tới khu dân cư lân cận.

3.3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn vận hành

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng tới một số khu dân cư lân cận.

3.4 Các tác động khác

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tình hình giao thông khu vực.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân và hệ sinh thái.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà 01 vệ sinh di động tại công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; khi bể đầy thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ trạm trộn: được thu gom về hồ lắng cấu tạo 2 ngăn (dung tích 9 m³). Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng để dập bụi và làm ẩm công trường hoặc rửa cốt liệu. Cặn lắng sẽ được xử lý như đối với chất thải thi công.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất. Bố trí các rãnh thu gom, nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để không gây ngập úng.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày.

- Phương tiện vận chuyển chở nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín và không để rơi vãi.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: Sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa đảm bảo không cho phát tán bụi ra xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng thu gom rác 120 lít có nắp đậy kín tại mỗi công trường để thu gom rác và giảm thiểu mùi hôi phát sinh. Định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ, betonite và xà bần thải: Đổ thải tại bãi thải thuộc khu vực Bàu Gáo, thôn Hữu Giang, xã Tây Giang, diện tích 4,5 ha (tọa độ: 1.544.006; 564.454). Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường khu vực đổ thải, giảm thiểu sa bồi, sạt lở. Sau khi đổ thải, san gạt bằng phẳng, trả lại cho địa phương

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 02 thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải tại mỗi công trường; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 5 m² tại mỗi công trường theo đúng quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công và phân luồng giao thông, lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn tại khu vực thi công.

- Phối hợp với đơn vị chức năng thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ;

tuyên thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng của Dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát:

+ Điểm đầu giáp Quốc lộ 19 (Km52+ 980), tọa độ (X=1543653; Y=562434);

+ Điểm giáp mố cầu M1 (giáp với sông Kôn), tọa độ (X=1543831; Y=562605);

+ Điểm cuối giáp với đường ĐH.26, tọa độ (X=1544667; Y=564477);

- Thông số giám sát: bụi lơ lửng, tiếng ồn.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất lượng nước mặt.

- Vị trí giám sát:

+ Tại sông Kôn điểm tiếp giáp với gàn mố cầu M1, tọa độ (X=1.543.850; Y=562.624).

+ Tại sông Kôn điểm tiếp giữa mố cầu M1 và M2, tọa độ (X=1.544.001; Y=562.795).

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD5, COD, Nitrat, Coliform, Tổng dầu mỡ

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1).

5.3. Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại: Giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.4. Giám sát các sự cố:

- Giám sát xói lở đường bờ (2 vị trí hai bên mỗi mố cầu).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.